

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thông qua phương án đơn giản hóa
thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 419/TTr-VPUBND ngày 22/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 23 thủ tục hành chính nội bộ thuộc các lĩnh vực: Công Thương, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngoại vụ, Giao thông vận tải, Nội vụ, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 05 thủ tục hành chính nội bộ cấp huyện thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan:

1. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

Điều 3. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHƯƠNG ÁN

Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thủ tục công nhận chợ kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh (Lĩnh vực Quản lý chợ - Ngành Công Thương)

a) Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 13 ngày làm việc thành 11 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm chi phí thời gian thực hiện nhằm đơn giản hoá TTHC nội bộ. Thực tế khi thực hiện thủ tục hành chính có thể cắt giảm thời gian xuống còn 11 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Phần II của Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.160.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.520.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 640.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,4%.

2. Thủ tục ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam hàng năm trên địa bàn tỉnh (Lĩnh vực quản lý cạnh tranh - Ngành Công Thương)

a) Nội dung đơn giản hoá

Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc thành 20 ngày làm việc (Trong đó: 08 ngày làm việc đối với Sở Công Thương, 07 ngày làm việc đối với các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; đơn vị liên quan và 05 ngày làm việc đối với UBND tỉnh).

Lý do: Cắt giảm chi phí thời gian thực hiện nhằm đơn giản hoá TTHC nội bộ. Thực tế khi thực hiện thủ tục hành chính có thể cắt giảm thời gian xuống còn 20 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 phần II của Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 8.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 6.400.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

3. Thủ tục xét duyệt quyết toán ngân sách đối với đơn vị dự toán cấp 1 và khối an ninh quốc phòng (Lĩnh vực Ngân sách - Ngành Tài chính)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời hạn giải quyết: Giảm 04 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa tại Sở Tài chính là 30 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 04 ngày làm việc còn 26 ngày làm việc (giảm 13% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời gian giải quyết tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách và thời gian xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm của các đơn vị dự toán trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện tiết kiệm thời gian và kinh phí thực hiện cho cơ quan, tổ chức.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 480.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 416.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 64.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,33 %.

4. Thủ tục thẩm định quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (Quyết toán theo niên độ) (Lĩnh vực đầu tư - Ngành Tài chính)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời hạn giải quyết: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa tại Sở Tài chính là 30 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 01 ngày làm việc còn 29 ngày làm việc (giảm 3,3 % thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn giải quyết tại Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc ban hành quy định thời hạn lập, xét duyệt, gửi, thẩm định, thông báo kết quả thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm và trình tự, thời gian lập, gửi, thẩm định, thông báo kết quả thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công, nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện tiết kiệm thời gian và kinh phí thực hiện cho cơ quan, tổ chức.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 384.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 371.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.800.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

5. Thủ tục đi công tác nước ngoài và đi nước ngoài về việc riêng của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh (*Lĩnh vực Xuất nhập cảnh - Ngành Ngoại vụ*)

a) Nội dung đơn giản hoá

- Tại mục b, thành phần hồ sơ đối với trường hợp đi công tác nước ngoài: Bỏ “Kế hoạch hoạt động đối ngoại của đơn vị đã được phê duyệt” vì Sở Ngoại vụ cũng có Kế hoạch này, các đơn vị không cần phải gửi thêm.

- Tại mục b, thành phần hồ sơ đối với trường hợp đi nước ngoài về việc riêng: bỏ nội dung “Văn bản thống nhất của Thường trực Tỉnh uỷ đối với nhân sự thuộc diện phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh uỷ” vì Sở Ngoại vụ là cơ quan tham mưu UBND tỉnh và Thường trực Tỉnh uỷ đối với nhân sự phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh uỷ.

- Tại mục c, thời gian giải quyết: bổ sung thêm quy định về thời gian giải quyết đối với trường hợp Đoàn ra phát sinh ngoài Kế hoạch đã được phê duyệt.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm a,b,c khoản 1 phần I của Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Ngoại vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Công khai, minh bạch tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi đi công tác nước ngoài phát sinh ngoài Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Bãi bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết, quy định rõ hơn về thời gian và quy trình thực hiện TTHC, nâng cao trách nhiệm của cá nhân và cơ quan thực hiện nhiệm vụ giải quyết TTHC trên.

- Quy định chi tiết, cụ thể hơn các nội dung quy định về duyệt nhân sự đi nước ngoài theo Quy chế 32-QC/TU ngày 21/6/2022 của Tỉnh uỷ Bình Phước về việc quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6. Thủ tục cấp mới hợp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức (Lĩnh vực Công nghệ thông tin - Ngành Thông tin và Truyền thông)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ hiện hành: Không quy định.
- Lý do: Quy định cụ thể thời gian, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC nội bộ; nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết TTHC nội bộ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung thời gian cấp mới hợp thư điện tử tại Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 160.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 96.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 64.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

7. Thủ tục thay đổi, hủy bỏ hợp thư điện tử công vụ (Lĩnh vực Công nghệ thông tin - Ngành Thông tin và Truyền thông)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ hiện hành: Không quy định.
- Lý do: Quy định cụ thể thời gian, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC nội bộ; nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết TTHC nội bộ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện thay đổi, hủy bỏ hộp thư điện tử tại Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 160.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 96.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 64.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

8. Thủ tục Công bố quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với hệ thống đường tỉnh (Lĩnh vực Đường bộ - Ngành Giao thông vận tải)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Quy định chi tiết thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ không quy định thời gian thành **03** ngày làm việc.

- Bổ sung căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung thêm căn cứ pháp lý: Thông tư số 22/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ.

- Kiến nghị bổ sung việc quy định thời gian tại Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- Quy định rõ ràng, cụ thể hơn đối với thời gian giải quyết thủ tục hành chính (Trước đây không quy định), bổ sung căn cứ pháp lý đảm bảo tính pháp lý của thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 3.380.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 960.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.420.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 71,59 %.

9. Thủ tục bổ nhiệm Hòa giải viên lao động (Lĩnh vực Lao động - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 03 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 10 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 03 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc (giảm 30% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian giải quyết quy định tại điểm d khoản 2 Điều 93 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 6.400.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4.480.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.920.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

10. Thủ tục bổ nhiệm lại Hòa giải viên lao động (Lĩnh vực Lao động - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 03 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 10 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 03 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc (giảm 30% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian giải quyết quy định tại điểm b khoản 3 Điều 93 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 6.400.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4.480.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.920.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

11. Thủ tục miễn nhiệm Hòa giải viên lao động (Lĩnh vực Lao động - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 08 ngày làm việc so với quy định đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều 94 của Nghị số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Lý do: Theo quy định tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh, thời gian thực hiện của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 30 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 08 ngày làm việc còn 22 ngày làm việc (giảm 26,67% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn giải quyết tại mục d của thủ tục thứ tự số 3 tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 9.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 7.040.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.560.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,67%.

12. Thủ tục bổ nhiệm Trọng tài viên lao động (Lĩnh vực Lao động - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 10 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 02 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc (giảm 20% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 99 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 9.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 7.680.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.920.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

13. Thủ tục bổ nhiệm lại Trọng tài viên lao động (Lĩnh vực Lao động - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 10 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 02 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc (giảm 20% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 99 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 3.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 2.560.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 640.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

14. Thủ tục miễn nhiệm Trọng tài viên lao động (Lĩnh vực Lao động - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 08 ngày làm việc so với quy định đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều 100 Nghị số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Lý do: Theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh, thời gian thực hiện của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 30 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 08 ngày làm việc còn 22 ngày làm việc (giảm 26,67% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn giải quyết tại mục d của thủ tục thứ tự số 6 Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 19.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 14.080.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.120.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,67%.

15. Thủ tục chấp thuận chủ trương bổ sung địa điểm đào tạo mới trên địa bàn tỉnh đối với trường cao đẳng (Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp - Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 2,5 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 12 ngày làm việc, thực tế có thể giảm được 2,5 ngày làm việc còn 9,5 ngày làm việc (giảm 20,83% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn giải quyết tại mục d của thủ tục thứ tự số 7 Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 11.520.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 9.120.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,83%.

16. Thủ tục áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà (Lĩnh vực Y tế dự phòng - Ngành Y tế)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết: giảm 01h so với thời gian quy định

- Lý do: Thời gian theo quy định là 07h, thực tế có thể giảm 01h so với quy định, thời gian giải quyết còn lại 06h.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian giải quyết quy định tại Điều 3, Nghị định 101/2010/NĐ-CP ngày 30/09/2010 hướng dẫn Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện tiết kiệm thời gian, xử lý nhanh kịp thời khi có dịch xảy ra và tiết kiệm kinh phí thực hiện cho cá nhân, tổ chức.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 280.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 240.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 40.000 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,29%.

17. Thủ tục công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A (Lĩnh vực Y tế dự phòng - Ngành Y tế)

a) Nội dung đơn giản hóa: Thời gian giải quyết: giảm 12h so với thời gian quy định Lý do: Thời gian theo quy định là 60h, thực tế có thể giảm 12h so với quy định, thời gian giải quyết còn lại 48h (giảm 20% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian giải quyết quy định tại Điều 3 Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện tiết kiệm thời gian, xử lý nhanh kịp thời khi có dịch xảy ra và tiết kiệm kinh phí thực hiện cho cá nhân, tổ chức.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 2.400.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 1.920.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 480.000 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

18. Thủ tục thẩm tra tài liệu hết giá trị của cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu lịch sử (Lĩnh vực Quản lý công tác văn thư lưu trữ -Ngành Nội vụ)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung đơn giản hoá: Kiến nghị rút ngắn thời gian thực hiện từ **30 ngày** làm việc thành **15 ngày** làm việc.

- Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.600.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 4.800.000 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

19. Thủ tục thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Lĩnh vực Lâm nghiệp - Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 16 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 80 ngày làm việc kể từ ngày gửi lấy ý kiến, thực tế có thể giảm được 16 ngày làm việc còn 64 ngày làm việc (giảm 20% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian giải quyết quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 25.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.480.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.120.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

20. Thủ tục thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Lĩnh vực Lâm nghiệp - Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thời hạn giải quyết: Giảm 16 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành tối đa là 80 ngày làm việc kể từ ngày gửi lấy ý kiến, thực tế có thể giảm được 16 ngày làm việc còn 64 ngày làm việc (giảm 20% thời gian quy định).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian giải quyết quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 25.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.480.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.120.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

21. Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh (Lĩnh vực Văn hóa - Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

a) Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Đối với hồ sơ bình thường: Rút ngắn từ 15 ngày xuống còn 12 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch: Rút ngắn từ 30 ngày xuống còn 27 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

Lý do: Quy định cụ thể thời gian, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC nội bộ; nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết TTHC nội bộ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 5, Điều 20, Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện tiết kiệm thời gian và kinh phí thực hiện cho cá nhân, tổ chức.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.965.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.040.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.925.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,47 %.

22. Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh (Lĩnh vực Văn hóa - Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:

- Đối với hồ sơ bình thường: Rút ngắn từ 15 ngày xuống còn 12 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

- Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch: Rút ngắn từ 30 ngày xuống còn 27 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

Lý do: Quy định cụ thể thời gian, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC nội bộ; nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết TTHC nội bộ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 5 Điều 20 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện tiết kiệm thời gian và kinh phí thực hiện cho cá nhân, tổ chức.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.515.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.590.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.925.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,23%.

23. Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Lĩnh vực Văn hóa - Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nội bộ: Từ 20 ngày xuống còn 15 ngày (*kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ*).

- Lý do: Quy định cụ thể thời gian, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC nội bộ; nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết TTHC nội bộ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm d Mục 4 Phần II tại Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện tiết kiệm thời gian và kinh phí thực hiện cho cá nhân, tổ chức.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 27.830.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.040.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9.790.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,18%.

24. Thủ tục kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính (Lĩnh vực Xử lý vi phạm hành chính - TTHC nội bộ cấp huyện)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính không có quy định phải chuyển hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính qua Phòng Tư pháp thực hiện kiểm tra, đánh giá. Việc quy định thêm thủ tục hành chính chỉ làm mất thêm thời gian ra quyết định xử phạt.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích của phương án:

- Giảm bớt việc phát sinh thủ tục hành chính không có trong quy định, cắt giảm thời gian.

25. Thủ tục hỗ trợ lễ tang theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND (Lĩnh vực Người có công - TTHC nội bộ cấp huyện)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bổ sung thêm căn cứ pháp lý: Văn bản số 1962/SLĐTBXH-NCC ngày 05/10/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được UBND tỉnh giao hướng dẫn*).

- Bổ thành phần hồ sơ là "*Tài liệu khác (Các Quyết định trợ cấp một lần theo Quyết định số 62, 142, 49,290,...)*".

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.

- Lý do: Đây là thủ tục có nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện đơn giản nên có thể giảm bớt ngày thực hiện thủ tục từ lúc nhận đủ hồ sơ theo quy định; bổ sung thêm căn cứ pháp lý hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung việc quy định thời gian thực hiện thủ tục hỗ trợ lễ tang theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND tại văn bản hướng dẫn số 1962/SLĐTBXH-NCC ngày 05/10/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện.

- Sửa đổi thủ tục hành chính tại Phụ lục ban hành kèm theo của Quyết định số 1930/UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc công bố TTHC nội bộ tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Nhằm đảm bảo tính pháp lý của thủ tục hành chính, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả giải quyết công việc của CBCCVC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 144.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 115.200.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 28.800.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

26. Thủ tục Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Lĩnh vực Theo dõi tình hình thi hành pháp luật - TTHC nội bộ cấp huyện)

a) Nội dung đơn giản:

Bổ sung yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật được ban hành trước ngày 30/01 hằng năm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bổ sung yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích của phương án:

Đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 11a Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ*) tạo điều kiện cho việc thực hiện TTHC đúng quy định của pháp luật.

27. Thủ tục Công nhận báo cáo viên pháp luật (*Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật - TTHC nội bộ cấp huyện*)

a) Nội dung đơn giản hoá

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc còn 4,5 ngày làm việc

- Lý do: Thực tế thực hiện thủ tục hành chính có thể cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc thành 4,5 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung thời gian tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 4.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 4.320.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 480.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

28. Thủ tục Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (*Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật - TTHC nội bộ cấp huyện*)

a) Nội dung đơn giản hoá

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc còn 4,5 ngày làm việc.

- Lý do: Thực tế thực hiện thủ tục hành chính có thể cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc thành 4,5 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung thời gian tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

- Lộ trình thực hiện: Quý II/2024.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 3.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 2.880.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 320.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.